TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CÀ MAU** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 147/2023/HNGĐ-ST
Ngày 30 tháng 6 năm 2023
Về việc: Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kiều Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Võ Sĩ Hùng

Ông Nguyễn Hoàng Kha

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thúy Kiều là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 30 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 269/2023/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2023 về việc: Ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 158/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn B U, sinh năm 1988; Địa chỉ: Khu C, đường N, khóm 0, phường 0, thành phố C, tỉnh Cà Mau (Có mặt).

Bị đơn: Ông Trần H V, sinh năm 1986; Địa chỉ: Khu C, đường N, khóm 0, phường 0, thành phố C, tỉnh Cà Mau (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và biên bản hòa giải ngày 01/6/2023, nguyên đơn bà Nguyễn B U trình bày:

- Về hôn nhân: Bà Nguyễn B U và ông Trần H V kết hôn với nhau vào năm 2017, hôn nhân tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện L, tỉnh V. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường cự cải dẫn đến vợ chồng đánh nhau, hôn nhân không còn hạnh phúc, tình cảm không còn nên bà U yêu cầu được ly hôn với ông V.

- Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có.

Tại biên bản hòa giải ngày 01/6/2023, bị đơn ông Trần H V trình bày:

- Về hôn nhân: Ông V thống nhất với lời trình bày của bà U về thời điểm kết hôn, hôn nhân tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Ông V xác định nguyên nhân mâu thuẫn như bà U trình bày là không đúng, ông V xác định vợ chồng có cự cãi nhưng nguyên nhân mâu thuẫn không lớn. Ông V còn tình cảm yêu thương bà U nên xin được đoàn tụ, không đồng ý ly hôn.

- Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bị đơn ông Trần H V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để xét xử sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt không lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông V theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Bà Nguyễn B U và ông Trần H V kết hôn với nhau vào năm 2017, hôn nhân tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện L, tỉnh V. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn B U và ông Trần H V được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp và bảo vệ.

Tại phiên tòa, bà U xác định nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng trong quan điểm sống, thường cự cải, ông V có hành vi đánh vợ nhiều lần, mâu thuẫn kéo dài không hàn gắn được, vợ chồng hiện nay đã không còn sống chung với nhau. Bà U khẳng định tình cảm vợ chồng của bà đối với ông V không còn nên đời sống hôn nhân không thể duy trì, trường hợp tiếp tục chung sống sẽ không mang lại hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên cương quyết xin được ly hôn với ông V. Đối với ông Trần H V, tại buổi hòa giải cho rằng mâu thuẫn vợ chồng không lớn, còn tình cảm với vợ nên xin được đoàn tụ nhưng khi Tòa án triệu tập xét xử để xem xét hòa giải, hàn gắn theo nguyện vọng đoàn tụ của ông V nhưng ông V vẫn vắng mặt không lý do là coi như từ bỏ quyền lợi của mình. Do đó, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu của bà U được ly hôn với ông V.

[3] Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Bà U và ông V xác định không có.

[4] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn B U phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn B U được ly hôn với ông Trần H V.

2. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn B U phải chịu 300.000 đồng. Ngày 08/5/2023 bà U đã nộp tạm ứng 300.000 đồng theo biên lai số 0003315 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau được chuyển thu đối trừ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện

thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm, nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND thành phố Cà Mau;
- Chi cục THADS thành phố Cà Mau;
- UBND xã H, H.L tỉnh Vĩnh Long;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Kiều Trang